

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 065/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Họ ông: Nông Văn Sâu
- + Số định danh cá nhân: 004070000108; Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0974193499

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 109			Diện tích đất thu hồi: 4.762,6 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	4.762,6	210.000	100	1.000.146.000	
Cộng			4.762,6			1.000.146.000	
Thửa đất thuộc một phần thửa đất số 39 tờ bản đồ số 30, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3745/QSĐĐ/6128/QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 10/10/2006							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

- III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng.**
III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng.
III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây điều 16-20 năm tuổi	đồng/cây	22	495.000	100	10.890.000	
2	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	21	562.880	100	11.820.480	
Cộng						22.710.480	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	4.762,6	210.000	150	1.500.219.000	
Cộng			4.762,6			1.500.219.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	9	1.440.000	100	12.960.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						32.960.000	

Hộ ông Nông Văn Sậu bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, hộ ông Sậu không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30 kg gạo x 3 tháng/1NK. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ ông Nông Văn Sậu không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.000.146.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	22.710.480
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	1.533.179.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	2.556.035.480

(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): **2.556.035.480 đồng** (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 067/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Ông: Nông Văn Sâu

+ Số định danh cá nhân: 004070000108; Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0974193499

- Cùng vợ là bà: Hoàng Thị Thơm

+ Số CCCD: 004169000113; Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

+ Địa chỉ: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

+ Số điện thoại: 0974193499

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 33		Thửa đất số: 162			Diện tích đất thu hồi: 61,6 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp đường nhựa Việt Úc (đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường) thuộc các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	61,6	387.000	100	23.839.200	
Cộng			61,6			23.839.200	
Thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 33 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số VP03867 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/9/2023.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1 Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng

STT	Tên, loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Đơn vị tính	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	$(8) = (4) \times (5) \times (6) \times (7)$	(8)
1	Nhà loại 8 (không tô giảm 110.000 đồng/m ² và không quét vôi giảm 110.000 đồng/m ² , chiều cao dưới 2,7 m giảm 4% đơn giá)	đồng/m ²	22,678	2.326.880	100	1,005	53.032.830	
Cộng							53.032.830	

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	$(8) = (4) \times (5) \times (6) \times (7)$	(9)
1	Tường rào xây gạch (có tô, trát) - STT 76	đồng/m ²	30,6	382.000	100	1,005	11.747.646	
2	Tường rào có móng đá chẻ, cột gạch, giằng bằng BTCT, tường xây gạch dày 10cm có tô trát - STT 72	đồng/m ²	15,18	532.000	100	1,005	8.116.139	
Cộng							19.863.785	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	$(7) = (6) \times (5) \times (4)$	(8)
1	Cây táo 4-6 năm tuổi	đồng/cây	1	192.000	100	192.000	
2	Cây mít 2-3 năm tuổi	đồng/cây	2	194.000	100	388.000	
3	Cây quýt 4-6 năm tuổi	đồng/cây	2	192.000	100	384.000	
Cộng						964.000	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là $KHSĐG = CS_{GTT}/CS_{G2024} = 110,84/110,24 = 1,0054426$ (làm tròn 1,005).

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

Hộ ông Nông Văn Sậu đã được hỗ trợ ổn định đời sống và khen thưởng bàn giao đất trước thời hạn tại thửa đất 109 tờ bản đồ số 13.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Nông Văn Sậu cùng vợ là bà Hoàng Thị Thơm không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	23.839.200
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	53.032.830
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	19.863.785
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	964.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	0
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	97.699.815

(Bảng chữ: Chín mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, tám trăm mười lăm đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 97.699.815 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 068/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Họ ông: Dương Văn Hướng

+ Số định danh cá nhân: 037078003775; Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 6, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 6, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0339198362

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 117			Diện tích đất thu hồi: 166,9 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 4	166,9	200.000	100	33.380.000	
Cộng			166,9			33.380.000	
Thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 30 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00143/QSDĐ/780/QĐ-UB (H) do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 05/4/2004.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng.

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng.

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	7	562.880	100	3.940.160	
Cộng						3.940.160	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	4.000.000	100	4.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	4	1.440.000	100	5.760.000	
Tổng cộng						9.760.000	
Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Hộ ông Dương Văn Hướng bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài và không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30 kg gạo x 3 tháng/1 nhân khẩu.							

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ ông Dương Văn Hướng không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	33.380.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	3.940.160

V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	9.760.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	47.080.160

(Bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn, một trăm sáu mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 47.080.160 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 090/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Ông: Nguyễn Chí Thành

+ Số định danh cá nhân: 070088005328; Ngày cấp: 28/6/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0976333908

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 105			Diện tích đất thu hồi: 11.372,4 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp đường nhựa Việt Úc (đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường) thuộc các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	11.372,4	387.000	100	4.401.118.800	
Cộng			11.372,4			4.401.118.800	
Thửa đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 111 tờ bản đồ số 30 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02048/QSDĐ do UBND thị xã Đồng Xoài cấp ngày 14/5/2013							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng

STT	Tên, loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Đơn vị tính	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(8)
1	Nhà loại 6 - STT A.6	đồng/m ²	25,5016	3.303.000	100	1,005	84.652.944	

2	Nhà loại 6 - STT A.6	đồng/m ²	13,884	3.303.000	100	1,005	46.088.146	
3	Nhà loại 6 - STT A.6	đồng/m ²	25,3009	3.303.000	100	1,005	83.986.717	
4	Nhà loại 6 - STT A.6	đồng/m ²	36,5	3.303.000	100	1,005	121.162.297	
5	Nhà loại 6 (không đóng trần giảm 4% giá trị công trình) - STT A.6 và I.7	đồng/m ²	19,5858	3.170.880	100	1,005	62.414.743	
6	Nhà loại 8 (chiều cao từ 2,7m - dưới 3m, giảm trừ 2% đơn giá) - STT A.8 và I.17	đồng/m ²	24,016	2.599.940	100	1,005	62.752.360	
7	Hỗ trợ di dời nhà tiền chế nền bê tông cộng thêm 234.000 đồng	đồng/m ²	5,76	564.000	100	1,005	3.264.883	
8	Nhà tạm 1 - STT A.11	đồng/m ²	2,059	897.000	100	1,005	1.856.158	
9	Hỗ trợ di dời nhà tiền chế nền bê tông cộng thêm 234.000 đồng	đồng/m ²	39,93	564.000	100	1,005	22.633.123	
10	Ốp gạch men tường nhà - STT I.11	đồng/m ²	68,685	110.000	100	1,005	7.593.127	
11	Mái hiên bê tông nhà loại 6 - STT A.6 và I.4	đồng/m ²	6,3	275.000	100	1,005	1.741.162	
12	Nhà loại 6 - STT A.6	đồng/m ²	25,2	3.303.000	100	1,005	83.651.778	Hiên nhà
13	Hỗ trợ di dời nhà tiền chế nền bê tông tính thêm 234.000 đồng/m ²	đồng/m ²	29,68	564.000	100	1,005	16.823.218	
14	Ốp gạch men tường nhà - STT I.11	đồng/m ²	68,685	110.000	100	1,005	7.593.127	
Cộng							606.213.782	

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(9)
1	Bậc tam cấp lát gạch ceramic - STT 04	đồng/m ²	1,53	766.000	100	1,005	1.177.840	
2	Sân bê tông - STT 56	đồng/m ²	182,76	234.000	100	1,005	42.979.669	
3	Bàn thiên xây - STT 06	đồng/cái	1	513.000	100	1,005	515.565	
4	Ốp đá granite - STT 49	đồng/m ²	3,478	814.000	100	1,005	2.845.247	
5	Giếng đào sâu trên 10m - STT 20	đồng/m sâu	15	947.000	100	1,005	14.276.025	03 cái giếng sâu 15m
6	Tường rào xây gạch không tô trát - STT 77	đồng/m ²	20,16	221.000	100	1,005	4.477.637	
7	Hầm tự hoại có bê tông lót móng, móng bê tông, thành xây gạch, có nắp đan BTCT - STT 27	đồng/m ³	8,96	1.692.000	100	1,005	15.236.122	

8	Nhà tắm riêng biệt: Móng xây đá chẻ; cột, tường xây gạch ống không tô trát; mái lợp tôn; nền láng xi măng - STT 41	đồng/m ²	3,335	2.023.000	100	1,005	6.780.439	
9	Chân bồn nước bằng sắt	cái	1	0	100	1,005	0	chưa có đơn giá
10	Giếng đào sâu trên 10m - STT 20	đồng/m sâu	15	947.000	100	1,005	14.276.025	
11	Giếng đào sâu trên 10m - STT 20	đồng/m sâu	15	947.000	100	1,005	14.276.025	
Cộng							116.840.593	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 1 năm tuổi (từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi)	đồng/cây	350	164.000	100	57.400.000	
2	Cây điều 16-20 năm tuổi	đồng/cây	7	495.000	100	3.465.000	
3	Cây vú sữa trên 10 năm tuổi	đồng/cây	1	958.000	100	958.000	
4	Nọc tiêu xây gạch chóp, cao tối thiểu 2,5m; đường kính gốc 0,6m	đồng/nọc	72	300.000	100	21.600.000	
5	Cây xoài 4 năm tuổi trở lên	đồng/cây	4	934.077	100	3.736.308	
6	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	57	562.880	100	32.084.160	
7	Cây tầm vông từ 1 năm tuổi trở lên	đồng/cây	36	22.000	100	792.000	
8	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	4	72.000	100	288.000	mai vàng
9	Cây gỗ tạp trên 1 năm tuổi, đường kính <10cm	đồng/cây	8	36.000	100	288.000	mai vàng
10	Cây gỗ nhóm III đường kính 10-20 cm	đồng/cây	1	360.000	100	360.000	
11	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	1	72.000	100	72.000	Anh Đào
12	Cây gỗ nhóm II đường kính >45cm	đồng/cây	4	84.000	100	336.000	
13	Cây gỗ nhóm III đường kính 31-45 cm	đồng/cây	1	420.000	100	420.000	Tùng
14	Cây vú sữa trên 10 năm tuổi	đồng/cây	1	958.000	100	958.000	
15	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	1	72.000	100	72.000	
16	Cây cau	cây	6	0	100	0	chưa có đơn giá
Cộng						122.829.468	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là $KHSĐG = CSGTT/CSG2024 = 110,84/110,24 = 1,0054426$ (làm tròn 1,005).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp đường nhựa Việt Úc (đoạn từ Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7 đến Cuối đường) thuộc các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1.	Đất trồng cây lâu năm	10.929,98	210.000	150	3.442.943.700	
Cộng			10.929,98			3.442.943.700	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	2	5.760.000	100	11.520.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						31.520.000	

Ông Nguyễn Chí Thành bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Thành phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 12 tháng. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ ông Nguyễn Chí Thành không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do phần diện tích đất ở lại của thửa đất sau khi thu hồi lớn hơn diện tích tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	4.401.118.800
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	606.213.782
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	116.840.593
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	122.829.468
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.474.463.700
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	8.721.466.343

(Bảng chữ: Tám tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): **8.721.466.343 đồng** (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 091/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Bà: Dương Thị Hồ

+ Số định danh cá nhân: 070153002429; Ngày cấp: 20/8/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0976333908

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 190			Diện tích đất thu hồi: 127,6 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	127,6	210.000	100	26.796.000	
Cộng			127,6			26.796.000	
Thuộc một phần thửa đất số 43, tờ bản đồ số 30 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H554/QSDĐ/2820/QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 27/5/2008.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 1 năm tuổi (từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi)	đồng/cây	8	164.000	100	1.312.000	

2	Cây cao su 1 năm tuổi (từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi)	đồng/cây	5	164.000	0	0	vượt mật độ
Cộng						1.312.000	
<i>Xác định Cây cao su 1 năm tuổi là cây trồng chính. Mật độ chuẩn của cây cao su trên diện tích đất thu hồi là $127,6 \text{ m}^2 \times 555/10.000 = 8$ cây, có 5 cây Cao su vượt mật độ không được bồi thường.</i>							

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	4.000.000	100	4.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	1	1.440.000	100	1.440.000	
Tổng cộng						5.440.000	

Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Bà Dương Thị Hồ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, bà Hồ không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, bà Dương Thị Hồ không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	26.796.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	1.312.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	5.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	33.548.000

(Bằng chữ: Ba mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 33.548.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 119/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Hoàng Văn Hải
- + Số định danh cá nhân: 0700 8300 2897; Ngày cấp: 21/12/2023; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0357068296
- Cùng vợ là bà: Mông Thị Hường
- + Số CCCD: 004184002151 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Số điện thoại: 0357068296

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 239			Diện tích đất thu hồi: 3.315,6 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	3.315,6	210.000	100	696.276.000	
Cộng			3.315,6			696.276.000	
Thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 27 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03300/QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 14/02/2015							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 9-10 năm tuổi	đồng/cây	179	465.440	100	83.313.760	
Cộng						83.313.760	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	3.315,6	210.000	150	1.044.414.000	
Cộng			3.315,6			1.044.414.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	4	1.440.000	100	5.760.000	

2	Thường bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						25.760.000	
<i>Ông Hoàng Văn Hải và vợ là bà Mông Thị Hường bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Hải và bà Hường không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/NK. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.</i>							

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ ông Hoàng Văn Hải cùng vợ là bà Mông Thị Hường không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	696.276.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	83.313.760
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	1.070.174.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	1.849.763.760

(Bảng chữ: Một tỷ, tám trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.849.763.760 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 122/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Ông: Trần Đình Công

+ Số định danh cá nhân: 0340 7601 3038; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Ấp Ruộng 3, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Ấp Ruộng 3, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0977 269 222

- Cùng vợ là bà: Lê Thị Dịu

+ Số CCCD: 0701 8100 2724 Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ: Ấp Ruộng 3, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai

+ Nơi ở hiện nay: Ấp Ruộng 3, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai

+ Số điện thoại: 0977 269 222

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 242			Diện tích đất thu hồi: 12,6 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây hàng năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	12,6	150.000	100	1.890.000	
Cộng			12,6			1.890.000	
Thuộc một phần thửa đất số 242, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS00434 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/10/2021							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-----	--	-------------	--------------------	----------------	-----------	---	-------------------	---------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(9)
1	Rào kẽm gai, trụ các loại - STT 54	đồng/m ²	35	67.000	80	1,005	1.885.380	
Cộng							1.885.380	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	1	72.000	100	72.000	
2	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	9	72.000	0	0	
Cộng						72.000	
Mật độ chuẩn của cây gỗ nhóm VII, VIII là 400 cây/ha. Trên diện tích đất thu hồi là 12.6 m ² x 400/10.000 = 1 cây có 9 cây gỗ nhóm VII, VIII vượt mật độ không được bồi thường.							

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước)

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là KHSĐG = CSGTT/CSG2024 = 110,84/110,24 = 1,0054426 (làm tròn 1,005).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
-----	-----------	-----	----------	----------------	-----------	-------------------	---------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	2	1.440.000	100	2.880.000	
Tổng cộng						4.880.000	

Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ông Trần Đình Công cùng vợ là bà Lê Thị Dịu bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài và không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/1 nhân khẩu.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Trần Đình Công và vợ là bà Lê Thị Dịu không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.890.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	1.885.380
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	72.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	4.880.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	8.727.380

(Bằng chữ: Tám triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 8.727.380 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 131/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Bà: Lâm Thị Luyện

+ Số định danh cá nhân: 0701 5500 0818; Ngày cấp: 16/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0985893323

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 427			Diện tích đất thu hồi: 1.891,5 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 4	1.891,5	200.000	100	378.300.000	
Cộng			1.891,5			378.300.000	
Thuộc một phần thửa đất số 427, tờ bản đồ số 12, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số VP03583 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước cấp ngày 25/7/2023							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(9)
1	Ống PVC-U phi 21 x 1,6 mm (Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, theo đơn giá VLXD của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tháng	đồng/m	5,6	8.800	100	1,005	49.526	

	10/2024)							
2	Bét phun	cái	14	0	100	1,005	0	chưa có đơn giá
3	Ống PVC-U phi 34 x 2 mm (Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, theo đơn giá VLXD của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tháng 10/2024)	đồng/m	52	17.400	100	1,005	909.324	
4	Ống PVC-U phi 90 x 3,8 mm (Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, theo đơn giá VLXD của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tháng 10/2024)	đồng/m	40	89.100	100	1,005	3.581.820	
Cộng							4.540.670	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây sầu riêng 1 năm tuổi	đồng/cây	16	662.281	100	10.596.496	
Cộng						10.596.496	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là KHSĐG = CSGTT/CSG2024 = 110,84/110,24 = 1,0054426 (làm tròn 1,005).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

Bà Lâm Thị Luyện đã được hỗ trợ ổn định đời sống tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 (theo bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng).

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, bà Lâm Thị Luyện không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	378.300.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	4.540.670
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	10.596.496
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	0
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	393.437.166

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 393.437.166 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 189/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Ông: Trần Văn Hiền

+ Số định danh cá nhân: 0700 7500 1642; Ngày cấp: 25/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0362436853

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 246			Diện tích đất thu hồi: 13.112,1 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	12.495,3	210.000	100	2.624.013.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	616,8	210.000	0	0	HLBV suối
Cộng			13.112,1			2.624.013.000	
Thuộc một phần thửa đất số 141, tờ bản đồ số 27 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H01905/QSDĐ/1450/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 05/4/2005, có 616,8 m ² thuộc hành lang bảo vệ đường suối không có cơ sở áp giá bồi thường.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng

STT	Tên, loại nhà, nhà ở, công trình xây dựng	Đơn vị tính	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(8)

1	Hỗ trợ di dời nhà tiền chế - STT I.16	đồng/m ²	50,5	330.000	80	1,005	13.398.660	
Cộng							13.398.660	
<i>Công trình xây dựng trên đất nông nghiệp sau ngày 01/7/2014 đến trước ngày ban hành Thông báo thu hồi đất, được bồi thường hỗ trợ bằng 80% đơn giá.</i>								

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K _{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (4)x(5)x(6)x(7)	(9)
1	Ống PVC-U phi 60 x 2,8 mm (Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, theo đơn giá VLXD của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tháng 10/2024)	đồng/m	840	44.000	80	1,005	29.715.840	
2	Ống PVC-U phi 114 x 4,9 mm (Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh, theo đơn giá VLXD của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước tháng 10/2024)	đồng/m	80	146.400	80	1,005	9.416.448	
Cộng							39.132.288	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây quýt 7-10 năm tuổi	đồng/cây	891	294.000	100	261.954.000	
2	Cây khế 6-10 năm tuổi	đồng/cây	1	222.000	100	222.000	
3	Cây gỗ tạp đường kính >45cm	đồng/cây	1	24.000	100	24.000	
Cộng						262.200.000	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là K_{HSDG} = CSGTT/CSG2024 = 110,84/110,24 = 1,0054426 (làm tròn 1,005).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước

về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đề tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	12.495,3	210.000	150	3.936.019.500	
Cộng			12.495,3			3.936.019.500	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	4	2.880.000	100	11.520.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						31.520.000	

Hộ ông Trần Văn Hiền bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, hộ ông Hiền không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 6 tháng. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ ông Trần Văn Hiền không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	2.624.013.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	13.398.660
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	39.132.288
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	262.200.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.967.539.500
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	6.906.283.448

(Bảng chữ: Sáu tỷ, chín trăm lẻ sáu triệu, hai trăm tám mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 6.906.283.448 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 209/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Hộ ông: Lưu Văn Ba
- + Số định danh cá nhân: 0040 6000 0450; Ngày cấp: 13/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0352526803

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 314			Diện tích đất thu hồi: 12,4 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	12,4	210.000	100	2.604.000	
Cộng			12,4			2.604.000	
Thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số VP03868 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/9/2023							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây gỗ nhóm VIII đường kính 21-30 cm	đồng/cây	1	84.000	100	84.000	Gòn

2	Cây gỗ nhóm I có đường kính <10cm	đồng/cây	1	228.000	100	228.000	Trâm Hương (gió bầu)
3	Cây gỗ tạp đường kính 10-20 cm	đồng/cây	3	72.000	0	0	Nút nác
Cộng						312.000	
<i>Cây gió bầu là cây trồng chính là cây trồng chính. Mật độ chuẩn cây gió bầu là 1100 cây/ha. Trên diện tích đất thu hồi là: $12.4 * 1100/10000=1$ cây. 1,5 lần giá trị cây trồng chính là: $1 \times 240.000 \times 1,5=360.000$ đồng. Tổng giá trị các loại cây trồng không được vượt quá 1,5 lần giá trị cây trồng chính là: 360.000 đồng.</i>							

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	3	1.440.000	100	4.320.000	
Tổng cộng						6.320.000	

Hộ dân chỉ được nhận tiền hỗ trợ khen thưởng bàn giao đất đúng kế hoạch khi đã thực hiện di dời, tháo dỡ nhà, công trình gắn liền trên đất (nếu có) để bàn giao đất theo đúng kế hoạch. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ ông Lưu Văn Ba không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	2.604.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	312.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	6.320.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	9.236.000

(Bằng chữ: Chín triệu, hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 9.236.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	491	562.880	100	276.374.080	
2	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	36	562.880	0	0	
Cộng						276.374.080	

Mật độ chuẩn của cây Cao su 555 cây/ha. Trên diện tích đất thu hồi là $8.848,4 \text{ m}^2 \times 555/10.000 = 491$ cây, có 36 cây Cao su vượt mật độ không được bồi thường

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường.

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	8.848,4	210.000	150	2.787.246.000	
Cộng			8.848,4			2.787.246.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	3	1.440.000	100	4.320.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						24.320.000	

Hộ bà Bùi Thị Vinh bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, hộ bà Vinh không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ bà Bùi Thị Vinh không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.858.164.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	276.374.080
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	2.811.566.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	4.946.104.080

(Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, không trăm tám mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 4.946.104.080 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 212/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Hộ bà: Trần Thị Thao

+ Số định danh cá nhân: 0421 6501 1743; Ngày cấp: 06/7/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0347755651

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 138			Diện tích đất thu hồi: 2.554,2 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	2.554,2	210.000	100	536.382.000	
Cộng			2.554,2			536.382.000	
Thuộc một phần thửa đất số 138, tờ bản đồ số 13, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS03278 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/5/2023.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 1 năm tuổi (từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi)	đồng/cây	97	164.000	100	15.908.000	
2	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	37	562.880	100	20.826.560	
3	Cây cao su 5-6 năm tuổi	đồng/cây	4	333.000	100	1.332.000	
Cộng						38.066.560	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	4	1.440.000	100	5.760.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						25.760.000	

Hộ bà Trần Thị Thao bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, hộ bà Thao không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/NK. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ bà Trần Thị Thao không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	536.382.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	38.066.560

V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	25.760.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	600.208.560

(Bằng chữ: Sáu trăm triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, năm trăm sáu mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 600.208.560 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 221/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Ông: Dương Văn Vương

+ Số định danh cá nhân: 0370 7500 4762; Ngày cấp: 17/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 6, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 6, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0397824155

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 116			Diện tích đất thu hồi: 2.692,8 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 4	2.692,8	200.000	100	538.560.000	
Cộng			2.692,8			538.560.000	
Thuộc một phần thửa đất số 95, tờ bản đồ số 30, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00145/QSĐĐ/780/QĐ-UB (H) do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 05/4/2004.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	150	562.880	100	84.432.000	
2	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	32	562.880	0	0	
Cộng						84.432.000	

Xác định Cây cao su 11-15 năm tuổi là cây trồng chính. Mật độ chuẩn của cây cao su trên diện tích đất thu hồi là $2.692,8 \text{ m}^2 \times 555/10.000 = 150$ cây, có 32 cây cao su vượt mật độ không được bồi thường.

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 4	Đất trồng cây lâu năm	2.692,8	200.000	150	807.840.000	
Cộng			2.692,8			807.840.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	1	1.440.000	100	1.440.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						21.440.000	

Ông Dương Văn Vương bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài và không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/1 nhân khẩu. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Dương Văn Vương không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	538.560.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	84.432.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	829.280.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	1.452.272.000

(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): **1.452.272.000 đồng** (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 233/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Bùi Xuân Nghĩa
- + Số định danh cá nhân: 070064001445; Ngày cấp: 23/10/2024; Nơi cấp: Bộ Công an
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0988671588
- Cùng vợ là bà: Dương Thị Mận
- + Số CCCD: 070164000966; Ngày cấp: 26/02/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH
- + Địa chỉ: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Số điện thoại: 0988671588

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 32		Thửa đất số: 50			Diện tích đất thu hồi: 1.638,3 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	1.638,3	210.000	100	344.043.000	
Cộng			1.638,3			344.043.000	
Thuộc một phần thửa đất số 50, tờ bản đồ số 32 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số VP04152 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/11/2023.							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

- III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng**
- III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng**
- III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi**

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	80	562.880	100	45.030.400	
Cộng						45.030.400	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ)	Đất trồng cây lâu năm	1.638,3	210.000	150	516.064.500	
Cộng			1.638,3			516.064.500	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

- Ông Bùi Xuân Nghĩa cùng vợ là bà Dương Thị Mận đã được hỗ trợ ổn định đời sống và khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng).

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Bùi Xuân Nghĩa cùng vợ là bà Dương Thị Mận không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	344.043.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	45.030.400
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	516.064.500
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	905.137.900

(Bảng chữ: Chín trăm lẻ năm triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, chín trăm đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có):
Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 905.137.900 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 09/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	1	1.440.000	100	1.440.000	
Tổng cộng						3.440.000	

Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ông Triệu Văn Thống bị thu hồi từ dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Thống không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Triệu Văn Thống không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	798.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	50.500

V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	4.288.500

(Bảng chữ: Bốn triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 4.288.500 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 627/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Hộ ông: Kiều Văn Hoan

+ Số định danh cá nhân: 035065003080; Ngày cấp: 25/3/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0329267557

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 32		Thửa đất số: 47			Diện tích đất thu hồi: 7.137,9 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	7.137,9	210.000	100	1.498.959.000	
Cộng			7.137,9			1.498.959.000	
Thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 28 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H3081/QSDĐ/5161/QĐUB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 14/8/2006							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	397	562.880	100	223.463.360	
2	Cây cao su 11-15 năm tuổi	đồng/cây	23	562.880	0	0	vượt mật độ
Cộng						223.463.360	

Xác định Cây cao su 11-15 năm tuổi là cây trồng chính. Mật độ chuẩn của cây cao su trên diện tích đất thu hồi là $7.137,9 \text{ m}^2 \times 555/10.000 = 397$ cây, có 23 cây cao su vượt mật độ không được bồi thường.

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ)	Đất trồng cây lâu năm	7.137,9	210.000	150	2.248.438.500	
Cộng			7.137,9			2.248.438.500	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	3	2.880.000	100	8.640.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						28.640.000	

Hộ ông Kiều Văn Hoan bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, hộ ông Hoan không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 6 tháng cho 3 nhân khẩu. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ Kiều Văn Hoan không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.498.959.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	223.463.360
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	2.277.078.500
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	3.999.500.860

(Bằng chữ: Ba tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn, tám trăm sáu mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 3.999.500.860 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	9.991,2	210.000	150	3.147.228.000	
Cộng			9.991,2			3.147.228.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

- Ông Bùi Xuân Nghĩa cùng vợ là bà Dương Thị Mận đã được hỗ trợ ổn định đời sống và khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 13 (theo bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng).

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Bùi Xuân Nghĩa không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	2.098.152.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	311.835.520
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.147.228.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	5.557.215.520

(Bảng chữ: Năm tỷ, năm trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm mười năm nghìn, năm trăm hai mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 5.557.215.520 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 762/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Nguyễn Hữu Quốc

+ Số định danh cá nhân: 0700 8900 1835; Ngày cấp: 19/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0344439739

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 402			Diện tích đất thu hồi: 536,6 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	183,6	210.000	100	38.556.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 2	353	200.000	100	70.600.000	
Cộng			536,6			109.156.000	
Thuộc một phần thửa đất số 402, tờ bản đồ số 12, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01701 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 29/6/2022							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường.

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây

dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước);

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/nk	1	1.440.000	100	1.440.000	
2	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	12.000.000	100	12.000.000	
Tổng cộng						13.440.000	

Ông Nguyễn Hữu Quốc bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Quốc không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/NK. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Nguyễn Hữu Quốc không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	109.156.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	0
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	13.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	122.596.000

(Bằng chữ: Một trăm hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có):
Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại

đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 122.596.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 800/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Bà: Lâm Thị Luyện
- + Số định danh cá nhân: 0701 5500 0818; Ngày cấp: 16/04/2021; Nơi cấp: Bộ Công an
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0985 893 323

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 399			Diện tích đất thu hồi: 6.607,5 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	6.607,5	210.000	100	1.387.575.000	
Cộng			6.607,5			1.387.575.000	
Thuộc một phần thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01449 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 15/5/2022							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ,

thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/Nk	1	1.440.000	100	1.440.000	
Tổng cộng						1.440.000	

Bà Lâm Thị Luyện bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, bà Luyện không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/NK.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, bà Lâm Thị Luyện không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.387.575.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	0
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	1.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	1.389.015.000

(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm tám mươi chín triệu, không trăm mười năm nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.389.015.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 802/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có)

- Bà: Lâm Thị Luyện

+ Số định danh cá nhân: 0701 8500 0818; Ngày cấp: 16/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0985893323

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 401			Diện tích đất thu hồi: 11.819,3 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	7.097,6	210.000	100	1.490.496.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 2	4.721,7	200.000	100	944.340.000	
Cộng			11.819,3			2.434.836.000	
Thuộc một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 27, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 00371/QSDĐ/1470/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 31/5/2004							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây gỗ nhóm V đường kính 10-20 cm	đồng/cây	30	150.000	100	4.500.000	Xà cừ
Cộng						4.500.000	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Bà Lâm Thị Luyện đã được hỗ trợ ổn định đời sống tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 (theo bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng).

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	20.000.000	100	20.000.000	
Tổng cộng						20.000.000	

Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ bà Lâm Thị Luyện không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	2.434.836.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0

III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	4.500.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	20.000.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	2.459.336.000

(Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm năm mươi chín triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 2.459.336.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 803/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Bà: Lâm Thị Luyến
- + Số định danh cá nhân: 0701 5500 0818; Ngày cấp: 16/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0985893323

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 400			Diện tích đất thu hồi: 7.632,8 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	1.572	210.000	100	330.120.000	
2	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 2	6.060,8	200.000	100	1.212.160.000	
Cộng			7.632,8			1.542.280.000	
Thuộc một phần thửa đất số 400, tờ bản đồ số 12, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS01450 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 10/5/2022							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây gỗ nhóm V đường kính 10-20 cm	đồng/cây	60	150.000	100	9.000.000	Xà cừ
Cộng						9.000.000	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

Bà Lâm Thị Luyện đã được hỗ trợ ổn định đời sống tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 12 (theo bản đồ phục vụ công tác giải phóng mặt bằng)

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, bà Lâm Thị Luyện không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.542.280.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	9.000.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	0
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	1.551.280.000

(Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm năm mươi một triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.551.280.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 825/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Nguyễn Thìn Bảy
- + Số định danh cá nhân: 0380 7501 5998; Ngày cấp: 04/05/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Xuân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Xuân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0918212181
- Cùng vợ là bà: Đặng Thị Thương
- + Số CCCD: 0361 7601 1939 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ: Khu phố Tân Xuân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Xuân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0918551240

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 341			Diện tích đất thu hồi: 32,9 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	32,9	210.000	100	6.909.000	
Cộng			32,9			6.909.000	
Thuộc một phần thửa đất số 247, tờ bản đồ số 27, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08339 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/12/2020							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất

STT	Tên, loại vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	Đơn vị tính	Diện tích/số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Hệ số điều chỉnh đơn giá (K_{HSDG})	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (4)x(5)x(6)x(7)	(9)
1	Rào kẽm gai, trụ các loại - STT 54	đồng/m ²	13	67.000	80	1,005	700.284	
Cộng							700.284	

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hệ số điều chỉnh đơn giá = Chỉ số giá xây dựng tại thời điểm tính toán so với chỉ số giá xây dựng quý II năm 2024 (năm gốc) là $K_{HSDG} = CSGTT/CSG2024 = 110,84/110,24 = 1,0054426$ (làm tròn 1,005).

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	2	1.440.000	100	2.880.000	
Tổng cộng						4.880.000	

Ông Nguyễn Thìn Bảy cùng vợ là bà Đặng Thị Thương bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Bảy, bà Thương không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng. Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Nguyễn Thìn Bảy cùng vợ là bà Đặng Thị Thương không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	6.909.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	700.284
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	0
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	4.880.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	12.489.284

(Bằng chữ: Mười hai triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm tám mươi bốn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 12.489.284 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 831/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Hoàng Thanh Võ

+ Số định danh cá nhân: 0340 7701 2379; Ngày cấp: 25/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Phú Thịnh, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Phú Thịnh, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0842787989

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 13		Thửa đất số: 226			Diện tích đất thu hồi: 0,2 m ²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	0,2	210.000	100	42.000	
Cộng			0,2			42.000	
Thuộc một phần thửa đất số 226, tờ bản đồ số 13 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02396 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/11/2022							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường.

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thuởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	1	1.440.000	100	1.440.000	
Tổng cộng						3.440.000	
Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ông Hoàng Thanh Võ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài và không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/1 nhân khẩu.							

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Hoàng Thanh Võ không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	42.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	0
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	3.482.000

(Bảng chữ: Ba triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 3.482.000 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 832/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Ông: Trần Văn Phúc

+ Số định danh cá nhân: 0370 6401 1209; Ngày cấp: 10/5/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát

+ Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

+ Số điện thoại: 0929666966

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 255			Diện tích đất thu hồi: 8.036,9 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	8.036,9	210.000	100	1.687.749.000	
Cộng			8.036,9			1.687.749.000	
Thuộc một phần thửa đất số 133, tờ bản đồ số 27, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02611/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân thị xã Đồng Xoài cấp ngày 14/6/2013							

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (vnđ)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnđ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây cao su 4 năm tuổi	đồng/cây	63	298.000	100	18.774.000	
2	Cây cao su 9-10 năm tuổi	đồng/cây	312	465.440	100	145.217.280	
Cộng						163.991.280	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	8.036,9	210.000	150	2.531.623.500	
Cộng			8.036,9			2.531.623.500	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

Hỗ trợ ổn định đời sống, khen thưởng bàn giao đất đúng kế hoạch ông Phúc đã được hỗ trợ tại thửa đất 254 tờ bản đồ số 12.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Trần Văn Phúc không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.687.749.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	163.991.280
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	2.531.623.500
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	4.383.363.780

(Bảng chữ: Bốn tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định

cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không.

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 4.383.363.780 đồng
(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây gỗ tạp đường kính 31-45 cm	đồng/cây	1	60.000	100	60.000	gòn
Công						60.000	

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước);

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 9/9/2025 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá cả thị trường tháng 8 năm 2025. Giá gạo tẻ thường (khang dân hoặc tương đương) trung bình tháng 8/2025 là: 16.000 đồng/kg. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 16.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng = 480.000 đồng/tháng.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	1	1.440.000	100	1.440.000	
Tổng cộng						3.440.000	
Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ông Huỳnh Đức Mạnh bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài và không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/1 nhân khẩu.							

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Huỳnh Đức Mạnh không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	1.071.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	60.000

V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	3.440.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	4.571.000

(Bảng chữ: Bốn triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 4.571.000 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

STT	Tên, loại cây trồng, vật nuôi	Đơn vị tính	Diện tích/ số lượng	Đơn giá (vnd)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (6)x(5)x(4)	(8)
1	Cây điều 6-10 năm tuổi	đồng/cây	46	495.000	100	22.770.000	
2	Cây điều 6-10 năm tuổi	đồng/cây	78	495.000	0	0	
Cộng						22.770.000	

Mật độ chuẩn của cây điều là 200 cây/ha. Trên diện tích đất thu hồi là $2.322,2 \text{ m}^2 \times 200 / 10.000 = 46$ cây, có 78 cây điều vượt mật độ không được bồi thường.

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường.

- Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) – Chơn Thành (Bình Phước).

- Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ dỡ tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Nội dung	Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)x(4)	(8)
1	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	Đất trồng cây lâu năm	2.322,2	210.000	150	731.493.000	
Cộng			2.322,2			731.493.000	

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác: 0 đồng.

Hộ ông Nông Văn Sâu đã được hỗ trợ ổn định đời sống và khen thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn tại thửa đất 109 tờ bản đồ số 13.

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, hộ ông Nông Văn Sâu không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	487.662.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	22.770.000
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	731.493.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	1.241.925.000

(Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có):
Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.241.925.000 đồng *(Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).*

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước
thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa
(Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước) đoạn qua phường Đồng Xoài
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày/11/2025
của UBND phường Đồng Xoài)

Mã số: 847/PACT-CTGN-CT

I. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (nếu có):

- Hộ ông: Phan Văn Phong
- + Số định danh cá nhân: 004071000110; Ngày cấp: 13/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ thường trú: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.
- + Số điện thoại: 0963996825
- Và bà: Hoàng Thị Liên
- + Số CCCD: 004179000164 Ngày cấp: 13/4/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát
- + Địa chỉ: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Nơi ở hiện nay: Khu phố Tân Thành 7, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai
- + Số điện thoại: 0357707145

II. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi

Tờ bản đồ số: 12		Thửa đất số: 272			Diện tích đất thu hồi: 17,3 m²		
Địa chỉ đất thu hồi: Khu phố Tân Thành 8, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai							
STT	Loại đất	Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích (m²)	Đơn giá (đồng/m²)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (vnd)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= (4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất trồng cây hàng năm	Thửa đất có mặt tiền tiếp giáp các đường giao thông còn lại trên địa bàn xã Tân Thành (cũ); Khu vực 2, vị trí 3 - Phạm vi 1	17,3	150.000	100	2.595.000	
Cộng			17,3			2.595.000	

III. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại

III.1. Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng: 0 đồng

III.2. Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất: 0 đồng

III.3. Bồi thường về cây trồng, vật nuôi: 0 đồng

IV. Giá đất và tài sản tính bồi thường

Căn cứ Công văn số 422/KTHT&ĐT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Xoài về việc cung cấp dự thảo phương án giá đất cụ thể để thực hiện dự án thành phần 5: Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đoạn qua tỉnh Bình Phước thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước).

V. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ,

thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ đền bù tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có)

V.1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 0 đồng.

V.2. Bồi thường, hỗ trợ khác

- Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

STT	Các khoản	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Thuởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	đồng/hộ	1	2.000.000	100	2.000.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống	đồng/NK	4	1.440.000	100	5.760.000	
Tổng cộng						7.760.000	
Hộ dân được nhận tiền thưởng khi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo thông báo của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo khoản 4, Điều 15, Quyết định 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ông Phan Văn Phong cùng vợ là bà Hoàng Thị Liên bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn phường Đồng Xoài, ông Phong và bà Liên không phải di chuyển chỗ ở nên được hỗ trợ ổn định đời sống 30kg gạo x 3 tháng/NK.							

V.3. Tái định cư:

Căn cứ khoản 6 Điều 2 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, ông Phan Nam Phong và bà Hoàng Thị Liên không đủ điều kiện giao đất ở (tái định cư) do không phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất.

VI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ

STT	Các khoản mục	Thành tiền (đồng)
II	Bồi thường về đất	2.595.000
III.1	Bồi thường về nhà, nhà ở, công trình xây dựng	0
III.2	Bồi thường về vật kiến trúc, công trình phụ, công trình sản xuất	0
III.3	Bồi thường về cây trồng, vật nuôi	0
V	Các khoản hỗ trợ (V.1+V.2):	7.760.000
	TỔNG (II+III.1+III.2+III.3+V)	10.355.000

(Bằng chữ: Mười triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng)

VII. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VIII. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

IX. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

X. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

XI. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 10.355.000 đồng (Chưa khấu trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có)).

XII. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): 0 đồng.